

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1142/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 8 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ  
trên các sông thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đề điều ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01/12/2008 của Chính phủ về quản lý lưu vực sông;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 20/3/1993 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 24/8/2000;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02/12/1994;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

Thực hiện Công văn số 2303/BTNMT-KTTVBĐKH ngày 28/6/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thực hiện mức báo động lũ mới trên các sông thuộc phạm vi cả nước.

Theo đề nghị của các Sở: Tài nguyên và Môi trường tại các Công văn số 744/STNMT ngày 28/6/2010 và số 983/STNMT ngày 17/8/2010, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1186/NN&PTNT ngày 09/8/2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

TT	Tên sông	Trạm thủy văn	Mực nước tương ứng với các cấp báo động (m)		
			I	II	III
1	Trà Bồng	Châu Ổ	2.5	3.5	4.5
2	Trà Khúc	Trà Khúc	3.5	5.0	6.5
3	Vệ	Cầu sông Vệ	2.5	3.5	4.5
4	Trà Câu	Trà Câu	3.5	4.5	5.5

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các văn bản trước đây của UBND tỉnh có nội dung trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quảng Ngãi, các Sở, Ban ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm:

1. Áp dụng mức báo động lũ quy định tại Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ vào công tác phòng, chống lụt bão, xây dựng các công trình phòng, chống lụt bão trên các triền sông và các vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi lũ, lụt, triều cường ngập úng.

2. Tuyên truyền, phổ biến kịp thời việc thay đổi mức báo động lũ đến các cơ quan nhà nước và cộng đồng dân cư, đặc biệt chú trọng các khu vực có đê, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi lũ, lụt, triều cường ngập úng.

3. Trong quá trình sử dụng mức báo động lũ mới, cần theo dõi sát và xử lý kịp thời các tình huống bất thường có thể xảy ra liên quan đến việc thay đổi mức báo động.

4. Khi áp dụng, nếu gặp khó khăn, vướng mắc cần phải chỉnh sửa cho phù hợp hoặc yêu cầu giải thích thêm, đề nghị có văn bản gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban ngành tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trương Ngọc Nhi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1208/QĐ-UBND

*Quảng Ngãi, ngày 09 tháng 9 năm 2010*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Dự án quy hoạch tổng thể cung cấp nước sạch  
và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 2246/QĐ-UB ngày 26/6/2001 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập dự án quy hoạch tổng thể cung cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2000-2010.

Căn cứ Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 18/3/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Hội đồng thẩm định Dự án quy hoạch tổng thể cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Dự án quy hoạch tổng thể cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 894/TTr-HĐTĐ ngày 18/6/2010 về việc đề nghị phê duyệt Dự án quy hoạch tổng thể cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án quy hoạch tổng thể cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2015, với nội dung sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông

thôn đến năm 2015.

2. Địa điểm: Toàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quy mô: Quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường cho các vùng nông thôn trong tỉnh Quảng Ngãi.

4. Mục tiêu của dự án:

*Quy hoạch đến năm 2015:*

a) Năm 2008-2010:

- 75% dân số nông thôn trong tỉnh sử dụng nước sạch.
- 50% số hộ nông thôn trong tỉnh có nhà tiêu hợp vệ sinh.
- 55% số hộ nông thôn chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh.

b) Năm 2011-2015:

- 85% dân số nông thôn trong tỉnh sử dụng nước sạch.
- 70% số hộ nông thôn trong tỉnh có nhà tiêu hợp vệ sinh.
- 70% số hộ nông thôn chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh.

5. Tổng hợp kinh phí:

a) Tổng kinh phí: 598.700 triệu đồng.

- Kinh phí xây dựng các công trình cấp nước sạch: 213.174 triệu đồng.
- Kinh phí xây dựng các công trình vệ sinh môi trường: 368.080 triệu đồng.
- Kinh phí đào tạo và truyền thông,...: 17.446 triệu đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư:

Tổng số:	<i>598.700 triệu đồng.</i>
- Ngân sách Trung ương:	56.000 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh:	30.446 triệu đồng.
- Hỗ trợ Quốc tế:	25.000 triệu đồng.
- Doanh nghiệp, tư nhân, hợp tác xã ....:	21.000 triệu đồng.
- Nhân dân đóng góp:	466.254 triệu đồng.

6. Phân kỳ đầu tư:

a) Giai đoạn I (2008-2010):

\* Tổng kinh phí: 227.052 triệu đồng.

\* Trong đó:

- Cấp nước sạch:	76.566 triệu đồng.
- Vệ sinh môi trường:	145.486 triệu đồng.
+ Hồ xí hợp vệ sinh:	108.393 triệu đồng.
+ Chuồng trại chăn nuôi:	37.093 triệu đồng.
- Cho đào tạo, truyền thông:	5.000 triệu đồng.

## b) Giai đoạn II (2010-2015):

* Tổng kinh phí:	371.648 triệu đồng.
* Trong đó:	
- Cấp nước sạch:	136.608 triệu đồng.
- Vệ sinh môi trường:	222.593 triệu đồng.
+ Hồ xí hợp vệ sinh:	138.317 triệu đồng.
+ Chuồng trại chăn nuôi:	84.276 triệu đồng.
- Cho đào tạo, truyền thông:	12.446 triệu đồng.

## 7. Giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch:

## a) Giải pháp về giáo dục, truyền thông:

- Nâng cao nhận thức về lợi ích của việc sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Phổ biến các kiến thức, áp dụng các tiên bộ kỹ thuật trong việc khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn nước sinh hoạt, xây dựng các công trình vệ sinh môi trường.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ các công trình cấp nước và vệ sinh môi trường đảm bảo sự phát triển bền vững.

## b) Giải pháp về vốn:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế - Xã hội của tỉnh với Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình xóa đói, giảm nghèo, Chương trình định canh, định cư ...

- Nguồn vốn viện trợ Quốc tế: Đẩy mạnh công tác đối ngoại, chủ động tìm kiếm các nhà tài trợ, tăng cường quan hệ với các Bộ, Ngành trung ương và Văn phòng Chương trình MTQG nước sạch và VSMT nông thôn để tiếp nhận thông tin, chuẩn bị các dự án từ nguồn ODA thích hợp.

- Nguồn vốn dân: Việc đóng góp của nhân dân thông qua huy động bằng nhiều nguồn lực: bằng tiền, giá trị sức lao động ... để xây dựng các công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

## c) Giải pháp về đào tạo:

- Đầu tư thích đáng cho công tác đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu quản lý và vận hành có hiệu quả các công trình.

- Đào tạo cần kết hợp giữa đào tạo tập trung ở các trường chuyên nghiệp với tập huấn ngắn hạn.

## d) Giải pháp về chính sách:

- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ giữa các cơ quan ở cấp tỉnh, huyện đối với việc cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cấp, các ngành.